

TRUYỀN THUYẾT VÀ LỊCH SỬ

PGS. TS. BÙI QUANG THANH*

Có một điều dễ làm cho nhà nghiên cứu văn học dân gian thân thiết với nhà nghiên cứu lịch sử: ấy là mối quan hệ mật thiết giữa truyền thuyết dân gian với những chặng đường lịch sử của dân tộc. Đã nhiều nghìn năm rồi, truyền thuyết dân gian cứ vậy nảy sinh, lưu truyền và được áp ủ như một lẽ tự nhiên, một niềm tin không đổi của người dân lao động Việt Nam. Đem truyền thuyết lên "mặt bằng" lịch sử, người nghiên cứu lại bắt gặp nhiều điều lý thú. Công việc tưởng như máy móc nhưng lại có tính khoa học đó đã giúp chúng ta khám phá ra nhiều giá trị. Truyền thuyết gắn sâu với "những điều quan hệ". "Cái lõi" của nó đã điệp với lịch sử, đã làm sáng thêm những "trang sử" bằng đá ở nhiều miền, nhiều vùng, mà lâu nay, có nhiều người còn bần khoản đi tìm nguồn lí giải. Cũng do vậy mà truyền thuyết đã trở thành đối tượng nghiên cứu của nhiều ngành khoa học khác nhau.

Đề cập đến vấn đề này thực ra không phải là đơn giản. Bởi lẽ, động đến quan hệ là động đến sự phức tạp, sự chông chéo, sự đan dệt và móc nối lẫn nhau của nhiều vấn đề. Lâu nay, công việc này đã được nhiều nhà nghiên cứu khoa học xã hội lưu tâm đặt ra và bàn tới. Dĩ nhiên, vẫn còn nhiều nan giải, mập mờ và không khỏi có những kết luận chỉ mới dừng ở giả thuyết, chung chung và các ý kiến chưa hẳn đã gặp nhau ở chặng cuối cùng của chân lý khoa học. Đó cũng là một tất yếu, nếu không nói là những quy luật của sự tìm tòi, phát hiện khi phương pháp và cung cách nhìn nhận, đánh giá còn đứng trên những quan điểm so lệch

nhau. Với việc kết hợp các phương pháp nghiên cứu folklore học và phương pháp lịch sử- loại hình so sánh, qua mối quan hệ này, chúng ta có thể bước đầu đúc kết được một số kết luận hoặc đánh giá nhất định về một thể tài văn học, về sự ràng buộc, móc nối có tính tất yếu giữa truyền thuyết dân gian với lịch sử. Và, từ đấy, sẽ thấy được những đặc trưng mang tính riêng biệt của một nguồn tư liệu vốn bị pha tạp hoặc bị che phủ từ lâu.

Dân tộc ta đã trải qua nhiều nghìn năm lịch sử dựng nước và giữ nước, làm ăn và đánh giặc, sản xuất và chiến đấu. Chiều dài của lịch sử cũng chính là khoảng thời gian để nhân lên một dung lượng khổng lồ của nhiều nguồn truyện kể dân gian khác nhau mà lâu nay, chúng ta đã gọi nó với thuật ngữ khoa học chung là truyền thuyết (soge). Đó cũng chính là một trong những thể loại văn học dân gian chứa đựng nhiều giá trị nghệ thuật độc đáo trên tiến trình lịch sử văn hoá dân tộc.

Xem xét mối quan hệ truyền thuyết - lịch sử, theo nguyên tắc minh giải điển hình, có thể xử lý bằng một ví dụ tiêu biểu nhất.

Đã có cả một hệ thống truyền thuyết về người anh hùng làng Gióng từ nhiều nghìn năm nay, được lưu truyền ở dải đất rộng lớn vùng trung châu Bắc Bộ và được quy tụ đặc sắc, sinh động trong các lễ hội Gióng tại các trung tâm Phù Đổng, Sóc Sơn, Xuân Đỉnh, Đông Bộ Đầu và nhiều làng quê khác. Nhìn tạt sang chính sử sẽ thấy, nhiều bộ sử cũ thời phong kiến đã chép lại sự kiện chống ngoại xâm từ buổi đầu dựng nước và giữ nước trong truyền thuyết. Thế kỷ XV (1472 đời Hồng Đức), tiến sĩ Nguyễn Cốc đã khá trung thành với dân gian và đưa truyện

Thánh Gióng vào bản *Hùng Vương ngọc phả*. Tiếp đó là các cốt truyện được kể lại trong *Lĩnh Nam chích quái* của Vũ Quỳnh và Kiều Phú, *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên. Lâu nay, nhiều nhà nghiên cứu đã tìm hiểu và cho rằng, Thánh Gióng ở đây là một nhân vật thần thoại. Trong khi đó thì khá nhiều tình tiết trong truyện đã được các nhà sử học, khảo cổ học, văn hoá học dân gian kết luận là có gắn với lịch sử. Hình ảnh ngựa sắt, áo giáp sắt, gậy sắt trong truyền thuyết đã bắt gặp những hõn ỨC CÂM LẶNG ĐƯỢC ĐÀO LÊN TỪ LÒNG ĐẤT: nhiều di chỉ khảo cổ tìm thấy những hợp chất có chứa quặng sắt và đồ sắt trong tầng văn hoá. Tại gò Chiền, các nhà khảo cổ đã tìm thấy nhiều công cụ bằng sắt có niên đại C14 là 2.350 cộng/trừ 100 năm cách ngày nay (tính từ 1950), tức khoảng 400 năm trước Công nguyên. Tại làng Phù Đổng (Kê Đổng), hiện còn vết tích của nhiều lò luyện kim/sắt để lại từ xa xưa... Như vậy, phải chăng thời gian mà truyền thuyết nói là “đời Hùng Vương thứ 6” muộn nhất cũng nằm vào khoảng thời gian này. Có thể nghĩ rằng, Thánh Gióng là một hình tượng được xây đắp từ hai phía. Một là, Thánh Gióng trước hết là một nhân vật huyền thoại, người anh hùng văn hóa do cộng đồng sáng tạo ra để khắc họa cho chân dung một biểu tượng cao cả, đại diện cho khát khao chế ngự thiên nhiên và chống các lực lượng thù địch. Không phải ngẫu nhiên mà trong hệ thống chuyện kể về Gióng, bên cạnh những câu chuyện gắn với sự nghiệp đánh giặc ngoại xâm còn là những câu chuyện về việc Thánh Gióng giúp dân chống lũ lụt, cứu mẹ, cứu dân với một lai lịch rõ ràng được chạm khắc vào văn bia tại Đông Bộ Đầu, Thường Tín, Hà Nội. Và rồi, đứng trước nhu cầu thực tế lịch sử, vai trò chống lũ lụt của Thánh Gióng mở dẫn để nhường chỗ cho sự tôn vinh Sơn Tinh, một trong Tứ bất tử của tín ngưỡng người Việt. Hai là, ngay từ buổi đầu dựng nước, trong hoàn cảnh bị ngoại bang xâm lấn, đáp ứng nguyện vọng của cộng đồng, thực tế đã có một con người bằng xương, bằng thịt, có đức, có tài đã lãnh đạo tập thể cộng đồng đứng lên đánh giặc, mở ra “một trang sử oanh liệt chống ngoại xâm, trong đó nổi bật chiến công của con em người dân thường”. Chính từ hiện thực lịch sử này, người dân đã hoà nhập chân dung người

anh hùng văn hóa với chân dung người anh hùng lịch sử để hoàn thiện một biểu tượng đủ sức đáp ứng nguyện vọng sinh tồn của cộng đồng trước những thử thách thường xuyên của lịch sử dân tộc. Hoặc cũng có thể nghĩ rằng, Thánh Gióng là hiện thân cho những con người thật, vì nước hy sinh, được kỳ diệu hoá thành người anh hùng khổng lồ và được nào nặn trong mối quan hệ giữa các nhân vật trong thần thoại, trở thành thiên tráng ca về sức mạnh và nhân cách con người Việt Nam.

Cứ lần mạch giữa lịch sử và truyền thuyết sẽ thấy, nếu dùng một phép đối chiếu và so sánh thông thường, chúng ta cũng nhận thấy truyền thuyết dân gian chính là bộ sử biên niên bằng ngôn từ của nhân dân. Cùng với những trình độ khác nhau về nhận thức, tình cảm và nhu cầu thẩm mỹ, những con người làm ra lịch sử đã dần dần có những cảm nhận tự nhiên và ghi nhận một cách trung thành bộ mặt của thời đại, bộ mặt của lịch sử xã hội theo cung cách suy nghĩ riêng của mình. Và, phải thấy rằng, chỉ với một dân tộc có truyền thống văn hoá, có bản lĩnh văn hoá thì mới có được sự ghi nhận về lịch sử bền dai như thế. Mà ở đó: “Tư duy lịch sử và tư duy nghệ thuật, chân thực lịch sử và chân thực nghệ thuật” đã được “kết hợp một cách hài hoà, tự nhiên và bền vững”. Và, cho dù từ thế kỷ X trở đi, hệ thống chính sử của các triều đại đã hình thành và phát triển liên mạch, thì truyền thuyết dân gian vẫn là sản phẩm phản ánh lịch sử một cách độc đáo của cộng đồng dân tộc từ đời này qua đời khác.

Chính vì vậy, song hành suốt chiều dọc lịch sử, từ thời đại Hùng Vương đến thời đại Hồ Chí Minh, truyền thuyết dân gian ngày một nở rộ, ngày một phong phú và được nhân lên theo chiều dày của các hiện tượng trong lịch sử. Nếu bám theo cái trục là sự thật lịch sử, lấy truyền thuyết để minh giải, chúng ta sẽ nhận ra những hệ thống truyền thuyết tương xứng với từng giai đoạn lịch sử của dân tộc:

- Truyền thuyết lịch sử về thời đại Hùng Vương.
- Truyền thuyết lịch sử về mười thế kỷ chống ngoại xâm phương Bắc.
- Truyền thuyết lịch sử về năm thế kỷ xây dựng và bảo vệ quốc gia phong kiến độc lập.
- Truyền thuyết lịch sử về giai đoạn cuối

cùng (ba thế kỷ) của nhà nước phong kiến Việt Nam.

- Truyền thuyết lịch sử thời kỳ chống Pháp xâm lược (từ 1858 đến 1945).

- Truyền thuyết lịch sử thời đại Hồ Chí Minh (1945 đến nay).

Bằng các hệ thống truyền thuyết đó, đối sánh với lịch sử, chúng ta sẽ ghi nhận được mối quan hệ như “thù tạc” rất tự nhiên, lâu bền, thậm chí rắc rối và phức tạp giữa truyền thống dân gian và lịch sử dân tộc. Trong đó nổi bật lên những hệ thống truyền thuyết về anh hùng chống ngoại xâm và người mang yếu tố của anh hùng văn hoá trong lịch sử.

Cũng từ mối quan hệ ấy, bước đầu, chúng ta có thể rút ra một số nhận xét về đặc tính của thể tài này:

1- Soi vào từng truyền thuyết đã được định hình trên trang giấy, người nghiên cứu sẽ nhận thấy tính lịch sử hiện lên rất độc đáo và sắc nét của truyền thuyết dân gian. Lấy lịch sử làm cội nguồn sinh nở, truyền thuyết ra đời đã nhạy bén “chụp” lấy một cách kịp thời bộ mặt chân thực của lịch sử theo cung cách ứng xử nghệ thuật riêng của con người đã sáng tạo và truyền lưu nó. Nếu gạt đi tính lịch sử đậm đà trong truyền thuyết thì sự ghi nhận của chúng ta về những thời đại xa xưa sẽ nhiều lần bất lực. Mà nhất là đối với lịch sử đặc thù như của dân tộc ta, chữ viết ra đời muộn màng hoặc vốn có từ sớm nhưng bị văn hóa Hán lấn át, triệt tiêu, ngoại xâm luôn có ý đồ đồng hoá, chính sử sau này mới có, thì tính lịch sử trong truyền thuyết lại cần phải đặc biệt coi trọng. Trong một chừng mực nhất định, nhiều khi: “Các truyền thuyết lịch sử thường là những nguồn tài liệu duy nhất cho phép có thể xác định được các giai đoạn lịch sử chủ yếu và một số sự kiện nào đó nữa”. Và, có thể “nó còn là những bằng chứng duy nhất về sự tồn tại trước kia trong dân tộc một số những khái niệm và thiết chế xã hội mà chúng ta không thể nào xác định được với những nguồn tài liệu khác”.

Trở lại lịch sử thời đại Hùng Vương, chúng ta càng thấy rõ điều này. Bóng dáng của một hiện thực qua đi mấy nghìn năm rồi nhưng dường như truyền thuyết đã đảm đương vai trò thu nhận để xuyên qua lớp bụi mờ mịt của thời gian, kết hợp với các dấu vết của các nguồn

văn hoá khác nhau, làm hiện lên dáng vóc kỳ vĩ của cả một thời đại trong buổi đầu dựng nước và giữ nước. Hầu như mọi truyền thuyết lịch sử về quãng đường này đều là những tia hồi quang chân thực, trước khi tồn tại đến nay đã phải chiếu qua bề dày của tín ngưỡng, của một cảm quan nghệ thuật một ý thức lịch sử và nhất là bề dày của sinh hoạt, hội làng rườm rà, phức tạp. Nó luôn “đi kèm theo lịch sử một cách khăng khít và đặc thù”. Nếu không ẩn chứa những chân thực lịch sử, chân thực nghệ thuật thì truyền thuyết dân gian khó lòng tồn tại, khó trở thành chỗ dựa vững chắc cho niềm tin sâu kín của nhiều loại phong tục, tín ngưỡng qua hàng loạt hội làng ở nhiều miền, nhiều vùng trên đất nước ta.

Cũng phải thấy rằng: “cái lõi là sự thật của lịch sử” trong truyền thuyết của từng giai đoạn lịch sử càng ngày càng đậm nét dần, càng khởi sắc thêm theo tầm vươn tới của trình độ nhận thức, của ý thức lịch sử, ý thức dân tộc của quần chúng nhân dân. Để rồi, đến một khi trình độ ấy, ý thức ấy đã già dặn, có đủ góc cạnh thì “đôi cánh của sức tưởng tượng và nghệ thuật dân gian” càng mang nặng thêm những chất liệu đích thực của lịch sử trên mình, làm cho người đời khi kể truyền thuyết, khi nghe truyền thuyết cứ như kể và nghe về sự thật lịch sử với một lẽ tự nhiên và một lòng tin tưởng vậy.

2- Cũng trong mối quan hệ như thù tạc ấy với lịch sử, truyền thuyết dân gian đã bộc lộ được tính hệ thống của quá trình phản ánh tính phong phú của quá trình nhào nặn cả về nội dung lẫn hình thức nghệ thuật. Dường như mỗi hệ thống truyền thuyết về một thời đại, về một thời kỳ là một trong những tập sử liệu bằng nghệ thuật ngôn từ của quần chúng nhân dân. Tư liệu truyện kể về các cuộc khởi nghĩa, các anh hùng chống ngoại xâm, các anh hùng văn hoá ở từng miền, từng vùng là những minh chứng rõ nhất cho đặc tính này.

3- Gối sồng và liên tục, truyền thuyết sinh tồn với sức sống dẻo dai chính là biểu hiện rõ ràng nhất cho nghị lực của một dân tộc, sức mạnh và ý chí của một cộng đồng người vốn có truyền thống về mọi mặt từ xa xưa. Mang cốt cách hiện thực vững chắc và chất “lí tưởng” thẩm mỹ đậm đà, truyền thuyết dân gian liên tục được sản sinh, liên tục được lưu truyền, tồn

tại dưới nhiều hình thức khác nhau từ thế hệ này qua thế hệ khác, từ thời đại này qua thời đại khác, để chứng minh cho tính bền chặt, tính dẻo dai của một thể tài văn học dân gian đặc sắc và vô giá của dân tộc. Cạnh đó, nó còn đồng thời chứng minh cho bản lĩnh văn hoá, bản lĩnh tồn tại của người Việt, sức sống liên tục của một nguồn văn hoá dồi dào do trí tuệ của ngàn vạn lớp người lao động sáng tạo ra.

4- Từ mối quan hệ như "hình với bóng" với lịch sử, trước sự thật lịch sử, thông qua những hình tượng nghệ thuật, những chân lý nghệ thuật truyền thuyết dân gian còn bộc lộ được tính chiến đấu, tính ngợi ca, tính phê phán. Có nhiều nhân vật lịch sử, hiện tượng lịch sử, qua cách nhận thức, đánh giá của quần chúng nhân dân, khi vào truyền thuyết lại được tô đẹp hơn nhiều, được soi xét rành rõ, nghiêm ngặt và phần lớn là chân xác. Chính những yếu tố này đã góp phần tạo ra một ranh giới để các nhà nghiên cứu dễ nhận thấy được truyền thuyết lịch sử là một thể tài văn hóa dân gian chứ không phải là lịch sử. Lịch sử luôn luôn là những bản đề cương đích thực để từ đó người dân làm ra lịch sử, sáng tạo nên các hệ thống truyện kể của riêng mình.

5- Trong mọi hoàn cảnh lịch sử, dù chống lũ lụt hay ngoại xâm, truyền thuyết dân gian bao giờ cũng là phương tiện nghệ thuật bằng ngôn từ của người dân góp phần xác lập, củng cố vị thế và sức mạnh của người anh hùng hoặc một triều đại biết vì dân, vì nước. Và, ngược lại, một khi các đối tượng vốn được ngợi ca đó đi ngược lại lòng dân, thì truyền thuyết dân gian cũng lại sẵn sàng được định chính để phê phán, tố cáo, hạ bệ thứ quyền uy không còn phù hợp với nhu cầu phát triển bền vững của cộng đồng. Truyện kể về các nhân vật đứng đầu các triều đại Đinh, Lý, Trần, Lê,... thường gắn với sự sinh nở thần kỳ, có khuôn dạng khác người và những hành động hơn người,... chính là cơ sở tạo ra sự quy tụ của niềm tin cũng như sự ngưỡng vọng của cộng đồng, đó như là những đảm bảo vô hình nhưng tiên quyết cho sự thành công của một sự nghiệp hay một triều đại trong lịch sử. Và, cũng chính lịch sử cho thấy, dưới cảm quan chính trị, cảm quan nghệ thuật của người dân, chưa bao giờ truyền thuyết dân gian có sự nhầm lẫn trong quá trình phản ánh, ngợi ca và phê phán

các nhân vật lịch sử, các hiện tượng lịch sử.

Nhìn chung, với truyền thuyết dân gian, các đặc tính riêng biệt, độc đáo tiêu biểu này luôn móc nối hài hoà, đan dệt chặt chẽ và tự nhiên. Nó tạo ra một nhịp cầu vô hình nối kết giữa truyền thuyết với lịch sử, truyền thuyết với các thể tài và loại hình văn hoá dân gian khác thông qua các kỳ lễ hội, tập tục, tín ngưỡng hay các dấu tích vật chất trong tự nhiên và xã hội, được các thế hệ trong cộng đồng thực hành, trao truyền thông qua các hình tượng, biểu tượng cực kỳ sinh động, hợp lý và có sức sống mãnh liệt. Đương nhiên, từ mối quan hệ lâu bền giữa truyền thuyết dân gian và lịch sử dân tộc, chúng ta có thể còn tìm thấy nhiều vấn đề nếu đứng từ những góc độ nghiên cứu khác nhau. Khoa học liên ngành sẽ giúp sức nhìn nhận toàn diện hơn về mối quan hệ truyền thuyết - lịch sử và sự tồn tại, vai trò, vị trí và giá trị của một thể tài văn hóa dân gian đã có độ tuổi hàng nghìn năm trong lòng văn hoá dân tộc. Và, không hề khiên cưỡng khi khẳng định rằng, Việt Nam là đất nước của truyền thuyết dân gian, sản phẩm tinh thần đó cũng là một phần làm nên bản sắc văn hóa Việt./

B.Q.T

Tài liệu tham khảo:

- 1- Trong phần hậu tự, tác giả của *Lĩnh Nam chích quái* đã nhận thấy: "Trong những việc cao siêu lạ lùng ấy (nội dung truyền thuyết - BQT) vẫn có những điều quan hệ". Xem *Lĩnh Nam chích quái*, Đinh Gia Khánh - Nguyễn Ngọc San biên dịch, chú thích và giới thiệu, Nxb. Văn học, H, 1960, tr. 97.
- 2- Bùi Quang Thanh, "Về một thể loại văn học dân gian", *Tạp chí Văn học*, số 4, 1979.
- 3- Cao Huy Đình, *Người anh hùng làng Dóng*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1969.
- 4- *Hùng Vương dựng nước*, tập 4, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1974, tr. 200.
- 5- Phạm Văn Đồng, "Nhân ngày giỗ tổ Hùng Vương", *Báo Nhân dân*, số ra ngày 29 - 4 - 1969.
- 6- Kiều Thu Hoạch, "Truyền thuyết anh hùng trong thời kỳ phong kiến", in trong *Truyền thống anh hùng trong loại hình tự sự dân gian Việt Nam*, Nxb. Khoa học xã hội, 1971, tr. 190.
- 7- Bùi Quang Thanh, "Mối quan hệ lâu bền giữa truyền thuyết dân gian và lịch sử dân tộc", *Thông báo dân tộc học*, Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội, 1979, tập 2.